

CTCP Dịch vụ Hàng không Taseco (AST)

Tiếp tục mở rộng điểm kinh doanh

22/09/2026

Chuyên viên cao cấp Nguyễn Ngọc Anh
(+84) 24-7303-5333 anhnntn@kbsec.com.vn

KQKD tăng trưởng tích cực trong 2Q2026

2Q2026, AST ghi nhận doanh thu và LNST đạt 479/92 tỷ VND (+22%/19% yoy), với động lực chủ yếu đến từ (1) đóng góp từ 19 điểm kinh doanh mở mới tại T3 Tân Sơn Nhất và (2) tăng trưởng tích cực của các mảng hàng miễn thuế, nhà hàng - fastfood và phòng chờ thương gia. Lũy kế 6T2026, doanh thu và LNST đạt 1,035/221 tỷ VND (+33%/46% yoy), lần lượt hoàn thành 48%/49% kế hoạch năm.

Tăng trưởng khách qua cảng hàng không thúc đẩy doanh thu tại các điểm kinh doanh hiện hữu

Chúng tôi dự phóng lượng khách quốc tế/nội địa tại các thị trường AST khai thác tăng bình quân 11%/5% mỗi năm đến 2030. Lưu lượng và tỷ trọng khách quốc tế gia tăng được kỳ vọng thúc đẩy số giao dịch và doanh thu bình quân trên mỗi khách, đặc biệt tại mảng miễn thuế, bán lẻ và phòng chờ.

Mở rộng mạng lưới tạo động lực tăng trưởng doanh thu mới

Chúng tôi dự phóng số điểm kinh doanh AST tăng từ 145 điểm cuối năm 2026 lên 182 điểm năm 2030. Sau đóng góp từ 19 điểm tại T3 Tân Sơn Nhất và 6 điểm mới tại T2 Nội Bài từ 2025 - 2026, các dự án Long Thành, Phú Quốc và Gia Bình tiếp tục mở ra dư địa mở rộng mạng lưới trong trung và dài hạn cho doanh nghiệp.

Cơ cấu kinh doanh và hiệu quả vận hành hỗ trợ cải thiện biên lợi nhuận

Việc mở rộng các hoạt động mang lại lợi nhuận cao, bao gồm hàng miễn thuế, phòng chờ thương gia và tối ưu hoạt động tại các điểm kinh doanh được kỳ vọng tác động tích cực lên biên lợi nhuận của AST. Chúng tôi dự phóng biên lợi nhuận gộp đạt 64.7%/65.5% trong năm 2026/2027, hỗ trợ LNST công ty mẹ tăng lần lượt 48%/17% yoy.

Chúng tôi khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 76,500 VND/cổ phiếu

Chúng tôi khuyến nghị MUA đối với AST, giá mục tiêu 76,500 VND/cổ phiếu, tương đương tiềm năng tăng giá 20% so với giá đóng cửa ngày 21/09/2026.

Mua

Giá mục tiêu	VND 76,500
Tăng/giảm (%)	20.1%
Giá hiện tại (21/09/2026)	VND 63,700
Giá mục tiêu đồng thuận	n/a
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/ tỷ USD)	3.3/0.1

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	48.3%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	0.5/0.0
Sở hữu nước ngoài (%)	46.3%
Cổ đông lớn	CTCP Tập đoàn Taseco (51%)

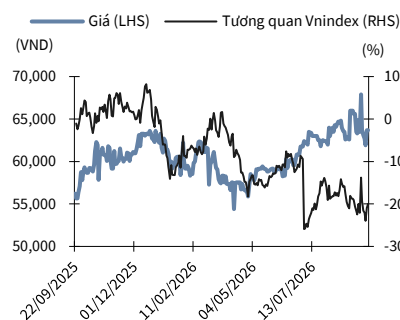
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	1.6	6.9	9.2	8.1
Tương đối	-8.8	-26.6	-25.5	-34.8

Dự phóng KQKD & định giá

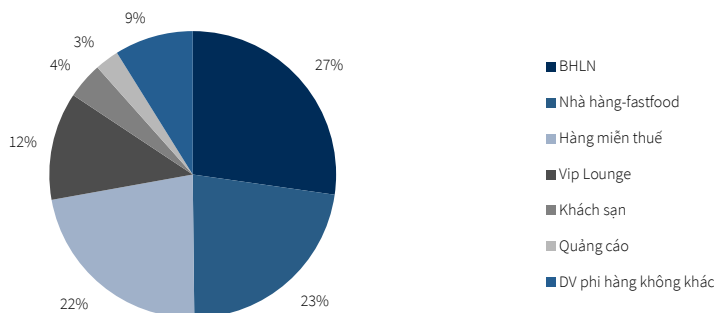
FY-end	2024	2025	2026F	2027F
Doanh số thuần (tỷ VND)	1,330	1,727	2,185	2,333
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	256	386	584	682
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	149	250	370	433
EPS (VND)	3,179	5,359	6,856	8,010
Tăng trưởng EPS (%)	28	69	28	17
P/E (x)	20.0	11.9	9.3	8.0
P/B (x)	4.6	4.2	3.1	2.1
ROE (%)	32.7	47.4	43.6	34.8
Tỷ suất cổ tức (%)	5%	7%	1%	2%

Nguồn: Fiinpro, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Cơ cấu doanh thu 2025



Hoạt động kinh doanh

CTCP Dịch vụ Hàng không Taseco là một trong những doanh nghiệp có quy mô mạng lưới điểm kinh doanh lớn trong lĩnh vực dịch vụ phi hàng không tại Việt Nam, với 141 điểm kinh doanh tại 6 sân bay quốc tế tính đến cuối tháng 6/2026. Hoạt động cốt lõi của công ty bao gồm bán lẻ bách hóa lưu niệm (BHLN), hàng miễn thuế, dịch vụ ăn uống và phòng chờ thương gia. Ngoài ra, AST còn tham gia lĩnh vực suất ăn hàng không thông qua khoản đầu tư tại công ty liên kết VinaCS.

Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Điểm nhấn đầu tư

Chú thích

Doanh thu trên các điểm kinh doanh hiện hữu tăng nhờ lượng khách quốc tế/nội địa dự phóng tăng 11%/5% mỗi năm đến 2030.

Chi tiết ở phần dưới của báo cáo

Mở rộng mạng lưới tạo động lực tăng trưởng mới, với số điểm kinh doanh AST 2026 dự kiến đạt 145 điểm và tăng lên 182 điểm vào 2030.

Chi tiết ở phần dưới của báo cáo

Biên lợi nhuận gộp cải thiện lên 64.7%/65.5% trong năm 2026/2027 nhờ mở rộng hàng miễn thuế, phòng chờ và tối ưu vận hành.

Chi tiết ở phần dưới của báo cáo

Dự phóng kết quả kinh doanh

(tỷ VND)	Dự phóng của KBSV		Thay đổi với kỳ trước		Dự phóng đồng thuận*		Chênh lệch	
	2026E	2027E	2026E	2027E	2026E	2027E	2026E	2027E
Doanh thu	2,185	2,333	-	-	-	-	-	-
EBIT	581	679	-	-	-	-	-	-
LNST công ty mẹ	370	433	-	-	-	-	-	-

Nguồn: Bloomberg, KBSV ước tính

*Dự phóng đồng thuận: là dự phóng trung bình của các CTCK được Bloomberg tổng hợp và tính toán

Quan điểm định giá

Kịch bản tích cực	VND 87,200	Kịch bản cơ sở: 1) Số điểm bán 2030 đạt 182 POS 2) Biên lợi nhuận gộp 2026/2027 đạt 64.7/65.5% Kịch bản tích cực: 1) Số điểm bán 2030 đạt 193 POS 2) Biên lợi nhuận gộp 2026/2027 đạt 65.2/66% Kịch bản tiêu cực: 1) Số điểm bán 2030 đạt 165 POS 2) Biên lợi nhuận gộp 2026/2027 đạt 64.2/64.6%
Kịch bản cơ sở (Giá mục tiêu)	VND 76,500	
Giá hiện tại	VND 63,700	
Kịch bản tiêu cực	VND 61,300	

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

KQKD tăng trưởng tích cực trong 2Q2026

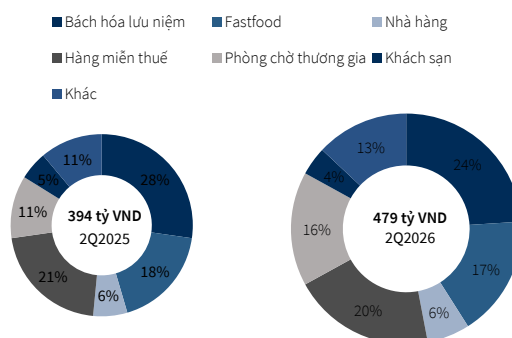
2Q2026, AST ghi nhận doanh thu và LNST đạt 479/92 tỷ VND (+22%/19% yoy), với động lực: (1) đóng góp từ 19 điểm kinh doanh mở mới tại T3 Tân Sơn Nhất và (2) tăng trưởng tích cực của các mảng hàng miễn thuế, nhà hàng - fastfood và phòng chờ thương gia. Lũy kế 6T2026, doanh thu và LNST đạt 1,035/221 tỷ VND (+33%/46% yoy), lần lượt hoàn thành 48%/49% kế hoạch năm.

Bảng 1. Cập nhật Kết quả kinh doanh

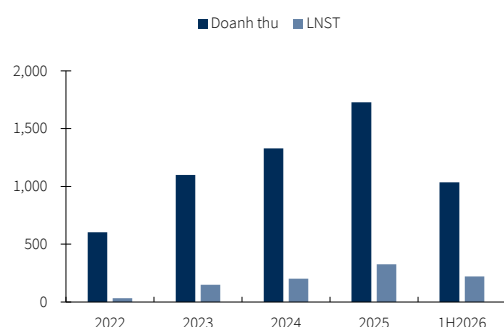
(tỷ VND)	Q2/2025	Q2/2026	+/-%YoY	1H2025	1H2026	+/-%YoY	Chú thích
Doanh thu	394	479	22%	779	1,035	33%	Hoàn thành 48.1% doanh thu kế hoạch 2026 (2,150 tỷ VND). Doanh thu tăng mạnh do (1) tăng trưởng lượt khách qua cảng hàng không 1H2026 đạt 6% yoy, (2) bổ sung thêm điểm kinh doanh tại T3 Tân Sơn Nhất và T2 Nội Bài và (3) mở rộng phân khúc sản phẩm hàng bán và nhà hàng
Bán hàng	205	219	7%	435	487	12%	
Cung cấp dịch vụ	189	260	38%	343	549	60%	Tăng chủ yếu đến từ doanh thu phòng chờ, 1H2026 mảng dịch vụ phòng chờ đạt doanh thu 145 tỷ VND (+104% yoy)
Lợi nhuận gộp	251	306	22%	494	671	36%	
<i>Biên lợi nhuận gộp</i>	63.77%	63.84%	+7 bps	63.40%	64.79%	+139 bps	Biên lợi nhuận cải thiện nhờ (1) tỷ trọng khách quốc tế qua cảng hàng không tăng và (2) tăng tỷ trọng mảng phòng chờ
Thu nhập tài chính	4	5	33%	8	10	17%	
Chi phí tài chính	-1	-1	-4%	-1	-3	209%	
Lợi nhuận từ công ty LD, LK	5	15	221%	6	28	330%	1H2026 VinaCS đóng góp lợi nhuận 27.6 tỷ VND cho AST so với mức 6.39 tỷ VND trong 1H2025
SG&A	-173	-213	23%	-333	-443	33%	
Lãi/lỗ từ hoạt động kinh doanh	85	113	32%	174	261	50%	
Thu nhập khác	0	-1		0	5	921%	
Lợi nhuận trước thuế	86	112	31%	175	266	52%	
Lợi nhuận sau thuế	78	92	19%	151	221	46%	
LNST công ty mẹ	63	77	23%	117	178	52%	Hoàn thành 49.4% LNST kế hoạch 2026 (360 tỷ VND)
<i>Biên LNST</i>	15.88%	16.08%	+20 bps	15.05%	17.19%	+214 bps	

Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

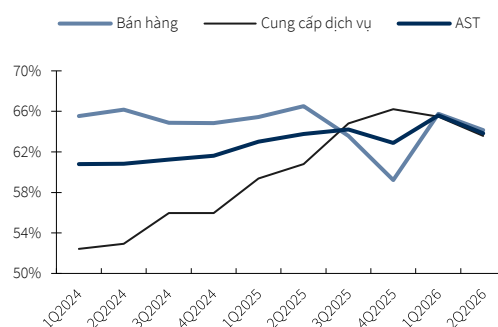
Biểu đồ 2. Cơ cấu doanh thu AST 2Q2025 và 2Q2026



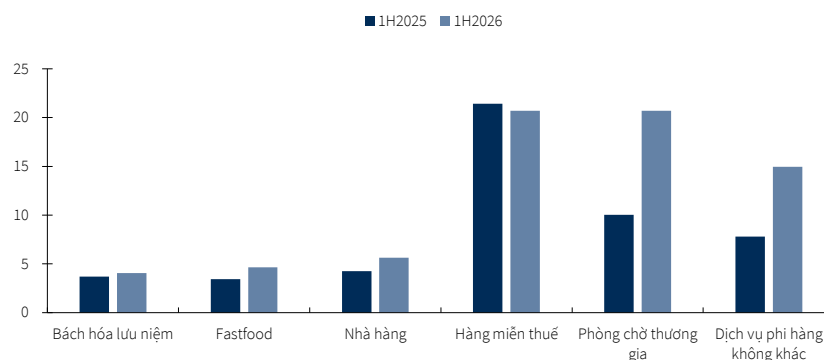
Nguồn: AST

Biểu đồ 3. Doanh thu và LNST AST từ 2022 đến nay (tỷ VND)

Nguồn: AST

Biểu đồ 4. Biên lợi nhuận AST

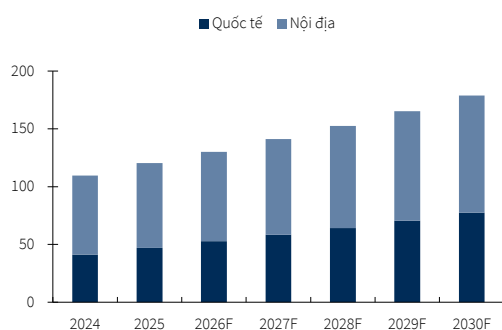
Nguồn: AST

Biểu đồ 5. Doanh thu/điểm kinh doanh của AST

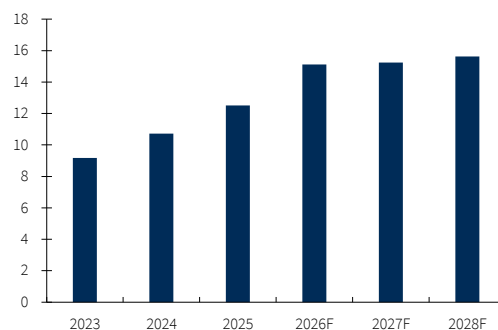
Nguồn: AST

Tăng trưởng khách qua cảng hàng không thúc đẩy doanh thu tại các điểm kinh doanh hiện hữu

Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng lưu lượng hành khách, đặc biệt là sự gia tăng tỷ trọng khách quốc tế, sẽ thúc đẩy doanh thu và hiệu quả kinh doanh của AST trong giai đoạn 2026–2030. Theo Cục Hàng không Việt Nam, lượng khách thông qua các cảng hàng không trong 7T2026 đạt hơn 76 triệu lượt (+7% yoy), trong đó khách quốc tế đạt gần 30 triệu lượt (+11% yoy), trong khi khách nội địa ghi nhận tăng trưởng 4% yoy. Xu hướng này được hỗ trợ bởi nhu cầu du lịch quốc tế, chính sách thị thực thuận lợi và việc mở rộng mạng bay, trong khi tăng trưởng kinh tế và thu nhập tiếp tục tạo nền tảng cho nhu cầu đi lại trong nước. Trên cơ sở đó, chúng tôi dự phóng lượt khách quốc tế và nội địa tại các thị trường AST khai thác tăng bình quân lần lượt 11% và 5%/năm đến 2030, qua đó nâng dần tỷ trọng khách quốc tế trong tổng lưu lượng, thúc đẩy doanh thu/điểm kinh doanh nhờ: (1) lưu lượng hành khách qua cảng hàng không gia tăng và (2) tỷ trọng khách quốc tế cao hơn hỗ trợ doanh thu bình quân trên mỗi khách, đặc biệt tại mảng miễn thuế, bán lẻ và phòng chờ.

Biểu đồ 6. Lượt khách qua cảng hàng không Việt Nam (triệu lượt)

Nguồn: AST

Biểu đồ 7. Doanh thu/điểm kinh doanh AST (tỷ VND)

Nguồn: AST

Mở rộng mạng lưới tại các nhà ga hiện hữu và sân bay mới, gia tăng quy mô kinh doanh đến 2030

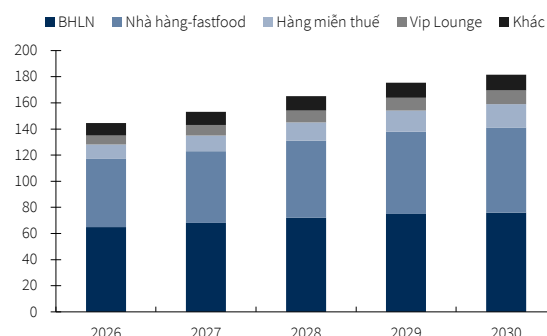
Chúng tôi kỳ vọng chu kỳ mở rộng hạ tầng hàng không giai đoạn 2026–2030 sẽ tạo dư địa gia tăng quy mô kinh doanh cho AST, với số điểm kinh doanh dự phóng đạt 145 điểm vào cuối 2026 và tăng lên 182 điểm vào năm 2030. Cụ thể:

- Trong ngắn hạn, tăng trưởng năm 2026 được hỗ trợ bởi việc ghi nhận đủ năm doanh thu từ 19 điểm kinh doanh mở mới tại T3 Tân Sơn Nhất trong năm 2025, cùng 6 điểm mới tại T2 Nội Bài trong năm 2026, trong đó có 2 cửa hàng miễn thuế và 2 cửa hàng Memories of Vietnam khai trương trong 2Q2026.
- Trong trung và dài hạn, các dự án Cảng HKQT Long Thành, Cảng HKQT Phú Quốc nâng cấp mở rộng và Cảng HKQT Gia Bình sẽ góp phần thúc đẩy ngành hàng không Việt Nam nói chung, bổ sung mặt bằng thương mại, mở ra cơ hội phát triển các mảng kinh doanh cốt lõi cho AST nói riêng bao gồm các mảng bán lẻ, miễn thuế, nhà hàng - fastfood và phòng chờ thương gia. Với kinh nghiệm khai thác 141 điểm kinh doanh tại 6 sân bay quốc tế và lịch sử trúng thầu tại T3 Tân Sơn Nhất, T2 Nội Bài trong thời gian qua, chúng tôi kỳ vọng AST có khả năng cạnh tranh cao trong việc đấu thầu quyền khai thác mặt bằng tại các sân bay mới, đặc biệt là Gia Bình, qua đó duy trì vị thế và thị phần kinh doanh phi hàng không tại khu vực phía Bắc khi một phần lưu lượng hành khách được phân bổ lại từ Nội Bài.

Bảng 8. Thông tin các dự án hạ tầng hàng không lớn đến 2030

Dự án	Thời gian dự kiến khai thác	Công suất trước dự án (triệu lượt)	Công suất sau hoàn thành (triệu lượt)
CHKQT Long Thành – GĐ1	Cuối 2026 - đầu 2027	0	25
CHKQT Phú Quốc MR	Dự kiến tháng 4/2027	4,5	20-24
CHKQT Gia Bình – GĐ1	-Các hạng mục APEC: 2027 -Hoàn thiện khai thác GĐ1: 2028-2030	0	30

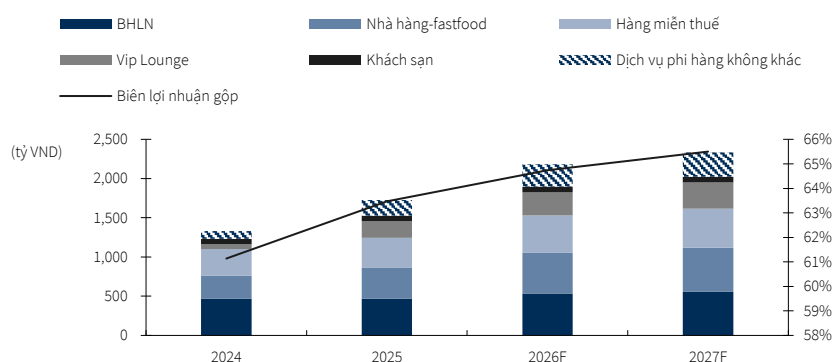
Nguồn: KBSV tổng hợp

Biểu đồ 9. Số điểm kinh doanh của AST 2026F – 2030F (POS)

Nguồn: AST, KBSV dự phóng

Cơ cấu kinh doanh và hiệu quả vận hành hỗ trợ mở rộng biên lợi nhuận

Chúng tôi kỳ vọng biên lợi nhuận của AST tiếp tục cải thiện trong 2026 - 2027, nhờ định hướng mở rộng các mảng có biên lợi nhuận tốt như hàng miễn thuế và phòng chờ thương gia, kết hợp tối ưu hiệu quả vận hành tại các điểm kinh doanh. Cụ thể: (1) AST ưu tiên gia tăng số điểm kinh doanh hàng miễn thuế nhằm đón đầu tăng trưởng nhanh và ổn định của lượng khách quốc tế, qua đó nâng đóng góp lợi nhuận từ hoạt động mua sắm tại sân bay, (2) mở rộng mạng lưới phòng chờ, đồng thời gia tăng lượng khách sử dụng trên nền năng lực phục vụ hiện hữu và (3) tối ưu hóa hiệu quả hoạt động thông qua cải thiện bố trí mặt bằng, danh mục sản phẩm và kiểm soát chi phí tại các điểm kinh doanh, qua đó tăng doanh thu và lợi nhuận thu được trên mỗi khách hàng.

Biểu đồ 10. Cơ cấu doanh thu và biên lợi nhuận gộp của AST

Nguồn: AST, KBSV dự phóng

DỰ PHÓNG KQKD & ĐỊNH GIÁ

Bảng 11. Dự phóng Kết quả kinh doanh

(tỷ VND)	2025	2026F	+/-%YoY	2027F	+/-%YoY	Chú thích
Doanh thu	1,727	2,185	27%	2,333	7%	Hoàn thành 102% doanh thu kế hoạch 2026 (2,150 tỷ VND)
Bán hàng	896	1,011	13%	1,053	4%	Số điểm kinh doanh bán hàng cuối 2026/2027 đạt 76/80 điểm
Cung cấp dịch vụ	831	1,174	41%	1,279	9%	Số điểm kinh doanh dịch vụ cuối 2026/2027 đạt 69/73 điểm
Lợi nhuận gộp	1,096	1,414	29%	1,528	8%	
<i>Biên lợi nhuận gộp</i>	<i>63.47%</i>	<i>64.73%</i>	<i>+126 bps</i>	<i>65.50%</i>	<i>+77 bps</i>	Biên lợi nhuận cải thiện nhờ (1) tỷ trọng khách quốc tế qua cảng hàng không tăng và (2) tăng tỷ trọng mảng phòng chờ và hàng miễn thuế
Thu nhập tài chính	16	25	57%	45	81%	
Chi phí tài chính	-4	-5	32%	-7	38%	
Lợi nhuận từ công ty LD, LK	17	58	238%	74	28%	
SG&A	-739	-907	23%	-956	5%	
Lãi/lỗ từ hoạt động kinh doanh	386	584	52%	682	17%	
Thu nhập khác	-5	-4	-34%	-4	7%	
Lợi nhuận trước thuế	380	581	53%	679	17%	
Lợi nhuận sau thuế	326	482	48%	563	17%	
LNST công ty mẹ	250	370	48%	433	17%	Hoàn thành 103% LNST kế hoạch 2026 (360 tỷ VND)
<i>Biên LNST</i>	<i>14.49%</i>	<i>16.95%</i>	<i>+246 bps</i>	<i>18.54%</i>	<i>+159 bps</i>	

Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Chúng tôi khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 76,500 VND/cổ phiếu

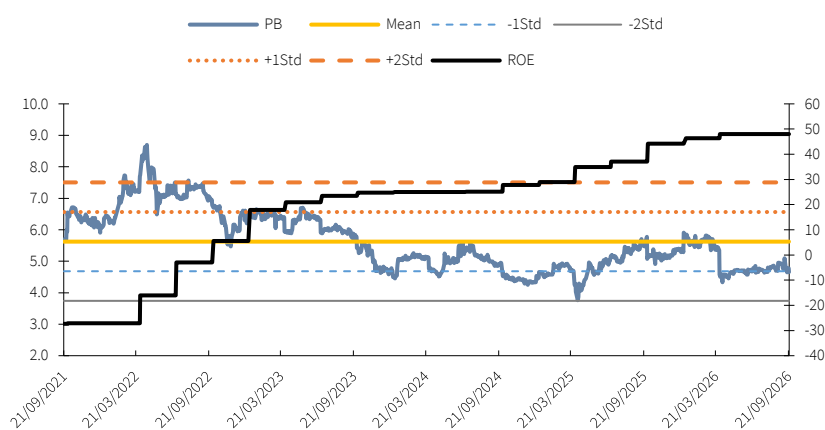
Chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu AST, với giá mục tiêu 76,500 VND/cổ phiếu, tương đương tiềm năng tăng giá 20% so với giá đóng cửa ngày 21/09/2026, dựa trên triển vọng tăng trưởng từ lượng khách quốc tế, mở rộng mạng lưới điểm kinh doanh và khả năng cải thiện biên lợi nhuận của doanh nghiệp. Chúng tôi sử dụng phương pháp định giá từng phần (SOTP), bao gồm DCF cho hoạt động kinh doanh cốt lõi của AST và P/E mục tiêu 11x đối với phần lợi nhuận thuộc sở hữu AST tại VinaCS. Các giả định chính gồm: (1) lượng khách quốc tế/nội địa tăng trung bình 11%/5% mỗi năm đến 2030, (2) số điểm kinh doanh tăng từ 145 điểm cuối 2026 lên 182 điểm năm 2030, với giả định AST trúng thầu mặt bằng tại cả Long Thành và Gia Bình và (3) biên lợi nhuận gộp 2026/2027 đạt 64.7/65.5%. Đối với VinaCS, chúng tôi kỳ vọng nhà máy suất ăn Long Thành sẽ hỗ trợ tăng trưởng lợi nhuận trong trung và dài hạn khi dự kiến có thể bắt đầu đóng góp lợi nhuận cho AST từ 2028.

Rủi ro đối với định giá bao gồm: (1) AST không giành được quyền khai thác tại Long Thành và Gia Bình như kỳ vọng, (2) lưu lượng khách dịch chuyển giữa các sân bay mới và hiện hữu khiến doanh thu tại một số điểm kinh doanh bị sụt giảm, (3) cạnh tranh gia tăng từ các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ phi hàng không khác và (4) căng thẳng địa chính trị kéo dài, giá dầu tăng gây áp lực lên hoạt động hàng không và chi tiêu của hành khách.

Bảng 12. Định giá AST

(tỷ VND)	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đóng góp cho AST
HĐKD cốt lõi AST	3,519	100%	3,519
Giá trị VINACS	2,093	29.29%	613
Giá trị định giá doanh nghiệp			4,132
Số cổ phiếu lưu hành (triệu cổ phiếu)			54
Giá mục tiêu (VND)			76,500
Giá hiện tại (VND)			63,700
Dự địa tăng giá			20.10%

Nguồn: AST, KBSV

Biểu đồ 13. P/B, ROE lịch sử

Nguồn: Bloomberg

P/B của AST hiện dao động quanh 4,8–5,0x, thấp hơn mức trung bình lịch sử khoảng 6,7x, trong khi ROE phục hồi lên gần 50%, cho thấy định giá chưa phản ánh đầy đủ sự cải thiện khả năng sinh lời của doanh nghiệp.

Báo cáo Kết quả HKDK				
(Tỷ VNĐ)	2024	2025	2026F	2027F
(Bảo cáo chuẩn)				
Doanh số thuần	1,330	1,727	2,185	2,333
Giá vốn hàng bán	517	631	771	805
Lãi gộp	813	1,096	1,414	1,528
Thu nhập tài chính	18	16	25	45
Chi phí tài chính	4	4	5	7
Trong đó: Chi phí lãi vay	2	4	0	0
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh (từ năm 2015)	-3	17	58	74
Chi phí bán hàng	388	518	677	711
Chi phí quản lý doanh nghiệp	180	222	229	245
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	256	386	584	682
Thu nhập khác	4	4	0	0
Chi phí khác	4	9	0	0
Thu nhập khác, ròng	0	-5	-4	-4
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh	0	0	0	0
Lãi/(lỗ) ròng trước thuế	256	380	581	679
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	54	54	99	115
Lãi/(lỗ) thuần sau thuế	202	326	482	563
Lợi ích của cổ đông thiểu số	54	76	112	131
Lợi nhuận của Cổ đông của Công ty mẹ	149	250	370	433
Chỉ số hoạt động	2024	2025	2026F	2027F
Tỷ suất lợi nhuận gộp	61.1%	63.5%	64.7%	65.5%
Tỷ suất EBITDA	23.2%	25.0%	29.4%	32.0%
Tỷ suất EBIT	19.4%	22.2%	26.6%	29.1%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế	19.3%	22.0%	26.6%	29.1%
Tỷ suất lãi hoạt động KD	19.3%	22.3%	26.8%	29.3%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	11.2%	14.5%	16.9%	18.5%
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	2024	2025	2026F	2027F
Lãi trước thuế	256	380	581	679
Khấu hao TSCĐ	34	40	43	50
Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư	14	31	0	0
Chi phí lãi vay	2	4	0	0
Lãi/(lỗ) trước những thay đổi vốn lưu động	279	393	624	728
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	-8	-68	-30	-10
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	14	-27	-22	-6
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	29	88	37	-32
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	-2	-5	-2	1
Chứng khoán kinh doanh, chi phí lãi vay, thuế và khác	-4	-7	0	0
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh	261	311	510	571
Tiền mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-45	-112	-111	-130
Tiền thu được từ thanh lý tài sản cố định	4	0	0	0
Tiền cho vay hoặc mua công cụ nợ	-260	-139	0	0
Tiền thu từ cho vay hoặc từ phát hành công cụ nợ	202	224	0	0
Đầu tư vào các doanh nghiệp khác	0	0	0	0
Tiền thu từ bán các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp khá	0	0	0	0
Cổ tức và tiền lãi nhận được	15	14	0	0
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ hoạt động đầu tư	-83	-12	-111	-130
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và vốn góp	14	0	0	0
Chi trả cho việc mua lại, trả lại cổ phiếu	0	0	0	0
Tiền thu được các khoản đi vay	131	221	123	117
Tiến trả các khoản đi vay	-111	-210	-85	-96
Tiền thanh toán vốn gốc đi thuê tài chính	0	0	0	0
Cổ tức đã trả	-179	-232	-45	-53
Tiền lãi đã nhận	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính	-145	-221	-7	-32
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	33	78	393	409
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	101	135	212	605
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	135	212	605	1,014

Bảng cân đối kế toán				
(Tỷ VNĐ)	2024	2025	2026F	2027F
(Bảo cáo chuẩn)				
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	853	1,031	1,532	2,040
TÀI SẢN NGẮN HẠN	606	688	1,140	1,568
Tiền và tương đương tiền	135	212	605	1,014
Giá trị thuần đầu tư ngắn hạn	297	212	212	212
Các khoản phải thu	63	114	144	153
Hàng tồn kho, ròng	87	113	135	141
TÀI SẢN DÀI HẠN	247	343	392	473
Phải thu dài hạn	7	16	16	16
Tài sản cố định	136	207	256	336
Tài sản dở dang dài hạn	1	1	1	1
Đầu tư dài hạn	64	84	84	84
Lợi thế thương mại	0	0	0	0
NỢ PHẢI TRẢ	235	344	426	424
Nợ ngắn hạn	234	344	426	424
Phải trả người bán	70	78	114	82
Người mua trả tiền trước	0	0	0	0
Vay ngắn hạn	46	58	96	117
Nợ dài hạn	1	0	0	0
Phải trả nhà cung cấp dài hạn	0	0	0	0
Người mua trả tiền trước dài hạn	0	0	0	0
Doanh thu chưa thực hiện	0	0	0	0
Vay dài hạn	1	0	0	0
VỐN CHỦ SỞ HỮU	618	687	1,105	1,616
Vốn góp	450	450	459	459
Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0
Lãi chưa phân phối	76	137	565	1,076
Vốn Ngân sách nhà nước và quỹ khác	0	0	0	0
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	0	0	0	0
Chỉ số chính	(x, %, VNĐ)			
Chỉ số định giá				

Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Diamond Park Plaza, số 16 Láng Hạ, Phường Giàng Vỡ, TP Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 21, Tòa nhà Vietinbank, số 93 - 95 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, số 37 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Hotline: 1900 1711

Email: info@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(Dựa trên kỳ vọng tăng giá trong 6 tháng tới)

Mua:	Trung lập:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(Dựa trên đánh giá triển vọng trong 6 tháng tới)

Tích cực:	Trung lập:	Tiêu cực:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin, dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Khách hàng nên độc lập cân nhắc hoàn cảnh, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.